

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 981/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/9/2018
V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quý
2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

- Thư ký phiên toà: Ông Hà Văn Đoàn – Thư ký Toà án nhân dân quận Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên toà:
Bà Trần Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018, tại phòng xử án của Toà án nhân dân quận Thủ Đức đã xét xử công khai vụ án thụ lý số 83/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 319/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: 1231/8 đường A, khu phố B, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Thanh B, sinh năm: 1983.

Địa chỉ thường trú: xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông.

Địa chỉ tạm trú: 1231/8 đường A, khu phố B, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ngày 15 tháng 01 năm 2018, bản tự khai, các biên bản khác và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Y trình bày:

+ Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Thanh B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 105, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức,

Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/6/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ 1231/8 Tỉnh lộ 43, khu phố 2, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu, cuộc sống khá hạnh phúc. Sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, công việc và tình cảm. Ông B không tôn trọng bà và gia đình, hay áp đặt mọi chuyện, gây khủng hoảng tinh thần cho bà. Rất nhiều lần, cả hai đã ngồi nói chuyện với nhau để hàn gắn tình cảm, cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình và nuôi dạy con chung nhưng mâu thuẫn giữa hai bên vẫn không được cải thiện. Vợ chồng không còn sự tin tưởng, chia sẻ và cảm thông, cuộc sống rất áp lực, nặng nề. Bà và ông B đã không còn chung sống với nhau từ tháng 8/2017. Nay tại Tòa, bà xác định không còn tình cảm với ông B, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn dứt khoát với ông B để bà ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Bà và ông Phạm Thanh B có 01 con chung tên Phạm Ngọc Khang, sinh ngày 25/3/2013. Ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện trẻ Khang đang sống cùng với bà, thu nhập của bà ổn định, mỗi tháng từ khoảng 7.000.000 (Bảy triệu) đồng đến 9.000.000 (Chín triệu) đồng, có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Chi phí hàng tháng của trẻ Khang khoảng 3.000.000 (Ba triệu) đồng. Bà đi làm tại Công ty theo giờ hành chính nên có điều kiện để đưa đón con đi học, cũng có thời gian phải tăng ca nhưng bà sống chung với gia đình nên có người phụ giúp bà trông nom, chăm sóc trẻ Khang.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn ông Phạm Thanh B trình bày:

+ Về hôn nhân: Ông xác nhận lời trình bày của bà Nguyễn Thị Ngọc Y về thời điểm chung sống, về thời điểm kết hôn là sự thật. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là bất đồng quan điểm trong cuộc sống, công việc và tình cảm. Rất nhiều lần, cả hai đã ngồi nói chuyện với nhau để hàn gắn tình cảm và cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình, nuôi dạy con chung nhưng mâu thuẫn giữa hai bên vẫn không được cải thiện. Hiện nay, ông và bà Y không còn chung sống với nhau. Vì còn thương yêu vợ con nên ông không đồng ý ly hôn với bà Y.

+ Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc Y có 01 con chung tên Phạm Ngọc Khang, sinh ngày 25/3/2013. Nếu ly hôn, ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì bà Y không cho ông sống chung nên ông đã chuyển ra ngoài sống tại nhà trọ, trẻ Khang đang sống với bà Y. Ông đi làm tại Công ty có thu nhập ổn định, mỗi tháng khoảng 9.000.000 (Chín triệu) đồng, có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Chi phí hàng tháng của trẻ Khang khoảng 3.000.000 (Ba triệu) đồng. Giờ làm của ông bắt đầu lúc 07 giờ và kết thúc lúc 17 giờ 30 phút,

ông vẫn thường xuyên đến chơi với con và phụ giúp bà Y chăm lo, đưa đón con đi học.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát quận Thủ Đức trình bày quan điểm về giải quyết vụ án:

- Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Thủ Đức nhận định:

* Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Y xin ly hôn với ông Phạm Thanh B, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Phạm Thanh B có nơi cư trú tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Về nội dung:

- Về hôn nhân: Ông Phạm Thanh B và bà Nguyễn Thị Ngọc Y tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 105, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/6/2009. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của ông B và bà Y được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Y yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Thanh B, ông B không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án đã tiến hành hòa giải, động viên các bên bỏ qua cho nhau những mâu thuẫn trong cuộc sống để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng bà Y vẫn cương quyết ly hôn vì vợ chồng không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung, sự chia sẻ và cảm thông; bà và ông B đã nhiều lần cùng nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có tiến triển tốt, thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân gây nhiều áp lực về tinh thần. Ông B không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với bà Y. Bà Y và ông B đều thừa nhận

vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, mâu thuẫn đã kéo dài, bà Y xác định không còn tình cảm với ông B. Xét thấy hôn nhân của bà Y và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu xin ly hôn của bà Y là có cơ sở chấp nhận theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc Y và ông Phạm Thanh B xác nhận có 01 con chung tên Phạm Ngọc Khang, sinh ngày 25/3/2013. Nếu ly hôn, bà Y và ông B đều có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy bà Y và ông B đều có công việc, thu nhập ổn định để nuôi dưỡng trẻ Khang. Tuy nhiên, bà Y có chỗ ở ổn định và có gia đình phụ giúp trong việc chăm sóc trẻ Khang; trẻ Khang còn nhỏ, đang trong giai đoạn cần được sự chăm sóc của người mẹ; hiện trẻ Khang đang sống cùng bà Y và vẫn được nuôi dưỡng, giáo dục tốt. Do đó để đảm bảo môi trường sống ổn định cho trẻ và điều kiện tốt để trẻ phát triển về thể chất, tinh thần nên giao trẻ Phạm Ngọc Khang, sinh ngày 25/3/2013 cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Y không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án ghi nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y và ông B xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc Y phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Y.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Y được ly hôn với ông Phạm Thanh B (Giấy chứng nhận kết hôn số 105, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/6/2009).

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Ngọc Khang, sinh ngày 25/3/2013 cho bà Nguyễn Thị Ngọc Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Ngọc Y về việc không yêu cầu ông Phạm Thanh B cấp dưỡng nuôi con chung tên Phạm Ngọc Khang, sinh ngày 25/3/2013.

Ông Phạm Thanh B được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, hai bên đều có thể xin thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y và ông B xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Y đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 38177 ngày 23/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Bà Y đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Y, ông Phạm Thanh B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Thủ Đức;
- THA DS Q. Thủ Đức;
- TATP;
- Các đương sự;
- UBND phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Nga